

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

Số: 1984/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tân Châu, ngày 22 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân khai kế hoạch vốn XDCB năm 2020
Nguồn vốn: XDCB tập trung năm 2020 ngân sách huyện
(vốn chờ thanh, quyết toán)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Tân Châu về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2020 (đợt 1). Nguồn vốn: Vốn xây dựng cơ bản ngân sách huyện;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 119/TTr-TCKH ngày 22 tháng 5 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân khai kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 ngân sách huyện để thanh, quyết toán các công trình XDCB. Cụ thể như sau:

1. Trả nợ tất toán 15 công trình đối ứng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Suối Ngô với số tiền 234.097.000 đồng.

Kèm phụ biểu 01

2. Trả nợ tất toán 02 công trình vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu (vốn huyện chuẩn bị đầu tư) với số tiền: 636.865.000 đồng.

Kèm phụ biểu 02

Tổng cộng (1+2): 870.962.000 đồng

(Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng)

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD huyện được giao nhiệm vụ là chủ đầu tư các công trình được phân khai vốn phải sử dụng, quản lý vốn hiệu quả, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu VP. HĐND-UBND huyện. *lan*

CHỦ TỊCH



Ta Châu Lâm

PHỤ BIỂU 01
PHÂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN XDCB NĂM 2020
Nguồn ngân sách huyện (vốn chờ thanh, quyết toán công trình năm 2020)
(kèm theo Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện Tân Châu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH / DỰ ÁN	Mã số dự án đầu tư	KC-HT	Mã ngành kinh tế	TMBT	QĐ định phê duyệt DA/phê duyệt QT (số, ngày, tháng, năm)		Lấy kế bố trí vốn			Kế hoạch vốn kỳ này	Ghi chú
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Tổng cộng	Vốn TW	Vốn huyện		
1	2	4	5	6	8,931,262,000		8,060,194,000	7,033,000,000	3,237,000,000	3,796,000,000	7	10
	TỔNG CỘNG										234,097,000	-
1	Đường SNO.71 (Tổ 3, ấp 6) nghĩa địa ấp 6	7722942	2019	292	744,576,000	1230/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	675,834,000	587,000,000	271,000,000	316,000,000	21,917,000	
2	Đường SNO.36 (tổ 11, ấp 4)	7729165	2019	292	391,591,000	1231/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	361,655,000	313,000,000	146,000,000	167,000,000	13,827,500	
3	Đường SNO.67 (tổ 4 ấp 5)	7715175	2019	292	307,159,000	1233/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	276,046,000	242,000,000	111,000,000	131,000,000	7,023,000	
4	Đường tổ 2, ấp 4 (vào trụ sở chính công ty Thiên Bích)	7723125	2019	292	475,301,000	1234/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	439,702,000	379,000,000	177,000,000	202,000,000	17,851,000	
5	Đường SNO.39 (đường tổ 15 ấp 4)	7722944	2019	292	163,790,000	1326/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	155,369,000	133,000,000	63,000,000	70,000,000	7,684,500	
6	Đường vào trường mầm non Suối Ngò	7728793	2019	292	389,087,000	1327/QĐ-UBND ngày 10/4/2020	343,952,000	303,000,000	138,000,000	165,000,000	6,976,000	
7	Đường SNO.16 (đường nội đồng)	7729164	2019	292	821,122,000	1362/QĐ-UBND ngày 10/4/2020	722,241,000	639,000,000	290,000,000	349,000,000	12,120,500	
8	Đường SNO.66 (đường nội đồng)	7728794	2019	292	601,947,000	1362/QĐ-UBND ngày 10/4/2020	568,054,000	484,000,000	228,000,000	256,000,000	28,027,000	
9	Đường SNO.79	7728802	2019	292	223,875,000	1363/QĐ-UBND ngày 10/4/2020	196,885,000	174,000,000	79,000,000	95,000,000	3,442,500	
10	Đường SNO.65 (đường nội đồng)	7729169	2019	292	645,018,000	1458/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	573,776,000	504,000,000	230,000,000	274,000,000	12,888,000	
11	Đường SNO.56 (đường nội đồng)	7728770	2019	292	1,013,669,000	1532/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	917,539,000	799,000,000	368,000,000	431,000,000	27,769,500	
12	Đường SNO.48 (đường nội đồng)	7719859	2019	292	437,507,000	1609/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	393,394,000	343,000,000	158,000,000	185,000,000	11,697,000	
13	Đường SNO.43 (đường nội đồng)	7728801	2019	292	770,876,000	1628/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	677,748,000	600,000,000	272,000,000	328,000,000	10,874,000	
14	Đường vào HTX Tân Tiến	7728771	2019	292	1,319,049,000	1692/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	1,215,466,000	1,049,000,000	488,000,000	561,000,000	46,733,000	
15	Đường SNO.37 (đường tổ 17.18 ấp 2)	7680068	2019	292	626,695,000	1734/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	542,533,000	484,000,000	218,000,000	266,000,000	5,266,500	

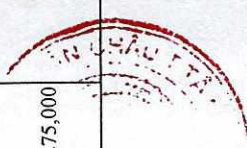
PHỤ BIỂU 02

Phân khai vốn đầu tư XDCB năm 2020 để tất toán công trình
Nguồn ngân sách huyện (vốn chờ thanh, quyết toán công trình)

(Kèm theo Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Tân Châu)

Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm mở TK của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	QĐ định phê duyệt DA/phê duyệt QT (số, ngày, tháng, năm)		Tỷ lệ vốn tỉnh hỗ trợ	chi phí lập BCKTKT	Lũy kế vốn tính đã bố trí		Kế hoạch vốn kỳ này	Ghi chú
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán			Tổng	trong đó: năm kế hoạch		
	Tổng cộng						25,877,865,000		894,027,000	25,241,000,000		636,865,000	
I	Hỗ trợ xây dựng trường chuẩn Quốc Gia						13,236,590,000		470,159,000	12,894,000,000		342,590,000	
1	Trường THCS Tân Hòa	Ban QLDA huyện	KBNN Tân Châu	7640651	73	733/QĐ-UBND ngày 27/02/2020	13,236,590,000	Vốn tỉnh thực hiện, huyện CBĐT	470,159,000	12,894,000,000		342,590,000	
II	Vốn tỉnh hỗ trợ khác						12,641,275,000		423,868,000	12,347,000,000		294,275,000	
1	Đường Giao thông nội thị giai đoạn 2 (nhánh 30/4)	Ban QLDA huyện	KBNN Tân Châu	7669282	292	681/QĐ-UBND ngày 25/02/2020	12,641,275,000	Vốn tỉnh thực hiện, huyện CBĐT	423,868,000	12,347,000,000		294,275,000	

Dvt: triệu đồng



TỜ TRÌNH

Về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020
Nguồn vốn: XDCB tập trung năm 2020 ngân sách huyện
(Vốn chờ thanh, quyết toán)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Tân Châu về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2020 (đợt 1). Nguồn vốn: Vốn xây dựng cơ bản ngân sách huyện;

Căn cứ Tờ trình số 515/TTr-BQLDA ngày 14/05/2020 của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện về việc đăng ký nhu cầu vốn thanh toán, tất toán tài khoản công trình đã phê duyệt quyết toán;

Nay Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện kính trình UBND huyện phân khai kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 để thanh, quyết toán công trình XDCB. Cụ thể như sau:

1. Trả nợ tất toán 15 công trình đối ứng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Suối Ngô với số tiền 234.097.000 đồng.

Kèm phụ biểu 01

2. Trả nợ tất toán 02 công trình vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu (vốn huyện chuẩn bị đầu tư) với số tiền: 636.865.000 đồng.

Kèm phụ biểu 02

Tổng cộng (1+2): 870.962.000 đồng

(Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng)

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Nguyễn Thị Như Thơ



PHỤ BIỂU 01

PHÂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN XDCB NĂM 2020

Nguồn ngân sách huyện (vốn chờ thanh, quyết toán công trình năm 2020)

(kèm theo Tờ trình số/TTr-TCKH ngày/5/2020 của Phòng Tài chính - KH huyện)

Đvt: triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH / DỰ ÁN	Mã số dự án đầu tư	KC-HT	Mã ngành kinh tế	TMĐT	QĐ định phê duyệt DA/phê duyệt QT (số, ngày, tháng, năm)		Lũy kế bố trí vốn			Kế hoạch vốn kỳ này	Ghi chú
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Tổng cộng	Vốn TW	Vốn huyện		
1	2	4	5	6							7	10
	TỔNG CỘNG										234,097,000	-
1	Đường SNO 71 (Tổ 3, ấp 6) nghĩa địa ấp 6	7722942	2019	292	8,931,262,000	1230/QĐ-UB ngày 27/3/2020	8,060,194,000	7,033,000,000	3,237,000,000	3,796,000,000	21,917,000	
- 2	Đường SNO 36 (tổ 11, ấp 4)	7729165	2019	292	391,591,000	1231/QĐ-UB ngày 27/3/2020	675,834,000	587,000,000	271,000,000	316,000,000	13,827,500	
3	Đường SNO 67 (tổ 4 ấp 5)	7715175	2019	292	307,159,000	1233/QĐ-UB ngày 27/3/2020	361,655,000	313,000,000	146,000,000	167,000,000	7,023,000	
4	Đường tổ 2, ấp 4 (vào trụ sở chính công ty Thiên Bích)	7723125	2019	292	475,301,000	1234/QĐ-UB ngày 27/3/2020	276,046,000	242,000,000	111,000,000	131,000,000	17,851,000	
5	Đường SNO 39 (đường tổ 15 ấp 4)	7722944	2019	292	163,790,000	1326/QĐ-UB ngày 08/4/2020	439,702,000	379,000,000	53,000,000	202,000,000	7,684,500	
6	Đường vào trường mầm non Suối Ngó	7728793	2019	292	389,087,000	1327/QĐ-UB ngày 10/4/2020	343,952,000	303,000,000	138,000,000	165,000,000	6,976,000	
7	Đường SNO 16 (đường nội đồng)	7729164	2019	292	821,122,000	1362/QĐ-UB ngày 10/4/2020	722,241,000	639,000,000	290,000,000	349,000,000	12,120,500	
8	Đường SNO 66 (đường nội đồng)	7728794	2019	292	601,947,000	1362/QĐ-UB ngày 10/4/2020	568,054,000	484,000,000	228,000,000	256,000,000	28,027,000	
9	Đường SNO 79	7728802	2019	292	223,875,000	1363/QĐ-UB ngày 10/4/2020	196,885,000	174,000,000	79,000,000	95,000,000	3,442,500	
10	Đường SNO 65 (đường nội đồng)	7729169	2019	292	645,018,000	1458/QĐ-UB ngày 17/4/2020	573,776,000	504,000,000	230,000,000	274,000,000	12,888,000	
11	Đường SNO 56 (đường nội đồng)	7728770	2019	292	1,013,669,000	1532/QĐ-UB ngày 23/4/2020	917,539,000	799,000,000	368,000,000	431,000,000	27,769,500	
12	Đường SNO 48 (đường nội đồng)	7719859	2019	292	437,507,000	1609/QĐ-UB ngày 27/4/2020	393,394,000	343,000,000	158,000,000	185,000,000	11,697,000	
13	Đường SNO 43 (đường nội đồng)	7728801	2019	292	770,876,000	1628/QĐ-UB ngày 27/4/2020	677,748,000	600,000,000	272,000,000	328,000,000	10,874,000	
14	Đường vào HTX Tân Tiến	7728771	2019	292	1,319,049,000	1692/QĐ-UB ngày 05/5/2020	1,215,466,000	1,049,000,000	488,000,000	561,000,000	46,733,000	
15	Đường SNO 37 (đường tổ 17.18 ấp 2)	7680068	2019	292	626,695,000	1734/QĐ-UB ngày 07/5/2020	542,533,000	484,000,000	218,000,000	266,000,000	5,266,500	

Đvt: triệu đồng													
Stt	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm mở TK của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	QĐ định phê duyệt DA/phê duyệt QT (số, ngày, tháng, năm)		Tỷ lệ vốn tỉnh hỗ trợ	chi phí lập BCKTKT	Lũy kế vốn tỉnh đã bố trí		Kế hoạch vốn kỳ này	Ghi chú
						Số Quyết định	Giá trị quyết toán			Tổng	trong đó: năm kế hoạch		
	Tổng cộng								894,027,000	25,241,000,000		636,865,000	
I	Hỗ trợ xây dựng trường chuẩn Quốc Gia								470,159,000	12,894,000,000		342,590,000	
1	Trường THCS Tân Hòa	Ban QLDA huyện	KBNN Tân Châu	7640651	73	733/QĐ-UBND ngày 27/02/2020	13,236,590,000	Vốn tỉnh thực hiện, huyện CBĐT	470,159,000	12,894,000,000		342,590,000	
II	Vốn tỉnh hỗ trợ khác						12,641,275,000		423,868,000	12,347,000,000		294,275,000	
1	Đường Giao thông nội thị giai đoạn 2 (nhánh 30/4)	Ban QLDA huyện	KBNN Tân Châu	7669282	292	681/QĐ-UBND ngày 25/02/2020	12,641,275,000	Vốn tỉnh thực hiện, huyện CBĐT	423,868,000	12,347,000,000		294,275,000	